

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ PP BÌNH DƯƠNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 21

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bao bì PP Bình Dương trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Mai Văn Bình	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thuý Hiền	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Hải Yến	Ủy viên
Bà Mai Thị Thanh Hà	Ủy viên
Bà Trần Thị Thanh Hương	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Thành Sơn	Giám đốc điều hành
Ông Trần Xuân Cảnh	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và vận hành hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính. Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Trần Thành Sơn
Giám đốc điều hành
Bình Dương, ngày 07 tháng 02 năm 2012

Số. /2011/AP - BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: **Hội đồng quản trị**
 Ban Giám đốc
 Công ty Cổ phần Bao bì PP Bình Dương

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bao bì PP Bình Dương (sau đây gọi chung là “Công ty”) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Các Báo cáo tài chính này được lập ngày 07/02/2012 từ trang số 05 đến trang số 21 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc có trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc đồng thời cũng chịu trách nhiệm ban hành và áp dụng hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc sai sót.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được thực hiện dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, trên cơ sở đánh giá rủi ro liên quan đến các sai sót trọng yếu phản ánh trên Báo cáo tài chính, do các gian lận hoặc sai sót. Trong quá trình đánh giá rủi ro, kiểm toán viên cũng xem xét các thủ tục kiểm soát do Ban Giám đốc thực hiện nhằm lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực và hợp lý để thiết kế các thủ tục kiểm toán thích hợp trong từng trường hợp mà không nhằm đưa ra ý kiến nhận xét về tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vũ Bình Minh

Giám đốc

Chứng chỉ KTV số Đ.0034/KTV

Nguyễn Thương

Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số 0308/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN PHÚ

Hà Nội, ngày 07 tháng 02 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU B 01-DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+130+140+150)	100		30.238.220.373	26.685.494.700
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	04	8.913.212.941	34.779.272
1. Tiền	111		2.713.212.941	34.779.272
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.200.000.000	-
III- Các khoản phải thu	130		9.780.868.618	11.061.731.566
1. Phải thu của khách hàng	131		9.724.935.260	11.056.131.924
2. Trả trước cho người bán	132		22.000.000	2.500.000
5. Các khoản phải thu khác	135	05	33.933.358	3.099.642
IV- Hàng tồn kho	140	06	11.395.053.756	14.760.096.203
1. Hàng tồn kho	141		11.395.053.756	14.760.096.203
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		149.085.058	828.887.659
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		29.040.000	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		120.045.058	824.270.607
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	17.052
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	4.600.000
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.475.568.201	4.746.511.361
II- Tài sản cố định	220		4.469.588.201	4.746.511.361
1. Tài sản cố định hữu hình	221	07	1.846.125.371	2.045.316.299
- Nguyên giá	222		15.399.721.147	15.256.721.147
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.553.595.776)	(13.211.404.848)
3. Tài sản cố định vô hình	227	08	2.623.462.830	2.701.195.062
- Nguyên giá	228		3.355.441.291	3.355.441.291
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(731.978.461)	(654.246.229)
V- Tài sản dài hạn khác	260		5.980.000	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	09	5.980.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		34.713.788.574	31.432.006.061

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU B 01-DN
 Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		12.532.710.522	11.124.415.981
I- Nợ ngắn hạn	310		12.532.710.522	11.124.415.981
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	10	6.589.146.080	5.427.234.375
2. Phải trả cho người bán	312		4.714.506.643	4.760.651.416
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	379.950.529	232.568.103
5. Phải trả người lao động	315		377.582.654	298.900.740
6. Chi phí phải trả	316		40.000.000	18.458.953
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	12	26.247.023	46.524.801
11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		405.277.593	340.077.593
B- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		22.181.078.052	20.307.590.080
I- Nguồn vốn, quỹ	410	13	22.181.078.052	20.307.590.080
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		15.350.000.000	15.350.000.000
4. Cổ phiếu quỹ	414		(1.499.786.780)	(1.499.786.780)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.205.447.789	2.052.869.210
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		601.179.071	501.179.071
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		5.524.237.972	3.903.328.579
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		34.713.788.574	31.432.006.061

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	31/12/2011	01/01/2011
5. Ngoại tệ các loại USD	151.000	-

Trần Thành Sơn
 Giám đốc điều hành
 Ngày 07 tháng 02 năm 2012

Nguyễn Thị Ngọc
 Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU B 02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm 2011	Năm 2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		52.200.056.727	45.480.237.273
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	16	52.200.056.727	45.480.237.273
4. Giá vốn hàng bán	11	17	44.818.243.315	39.156.915.469
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		7.381.813.412	6.323.321.804
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	595.487.888	94.571.480
7. Chi phí tài chính	22	19	356.674.747	577.975.855
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		346.077.067	577.975.855
8. Chi phí bán hàng	24		795.048.096	586.065.600
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		926.803.315	917.484.884
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		5.898.775.142	4.336.366.945
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32	20	1.797.901	2.816.509
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(1.797.901)	(2.816.509)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.896.977.241	4.333.550.436
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	378.719.269	412.369.332
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(5.980.000)	17.852.525
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		5.524.237.972	3.903.328.579
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	3.868	2.731

Trần Thành Sơn
Giám đốc điều hành
Ngày 07 tháng 02 năm 2012

Nguyễn Thị Ngọc
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU B 03-DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm 2011	Năm 2010
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		5.896.977.241	4.333.550.436
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		419.923.160	2.057.387.252
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		10.597.680	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(545.329.878)	(59.543.226)
- Chi phí lãi vay	06		346.077.067	577.975.855
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		6.128.245.270	6.909.370.317
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.989.705.549	39.396.408
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		3.365.042.447	(5.289.249.789)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		52.446.030	1.436.889.346
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(29.040.000)	-
- Tiền lãi vay đã trả	13		(364.536.020)	(559.516.902)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(231.523.510)	(390.393.582)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(14.800.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		10.895.539.766	2.146.495.798
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TSDH	21	07	(143.000.000)	(531.219.505)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22		-	59.543.226
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	18	545.329.878	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		402.329.878	(471.676.279)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại cổ phiếu	32		-	(348.408.080)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		18.738.548.025	31.781.699.078
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(17.563.314.000)	(34.459.682.003)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.570.750.000)	(2.856.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.395.515.975)	(5.882.891.005)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		8.902.353.669	(4.208.071.486)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		34.779.272	4.242.850.758
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(23.920.000)	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	04	8.913.212.941	34.779.272

Trần Thành Sơn
 Giám đốc điều hành
 Ngày 07 tháng 02 năm 2012

Nguyễn Thị Ngọc
 Kế toán trưởng

Các Thuyết minh từ trang 9 đến trang 21 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bao bì PP Bình Dương (gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000049 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 24/07/2002 và các Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 1 cấp ngày 14/07/2003 (thay đổi vốn điều lệ từ 09 tỷ lên 12,3 tỷ); Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 2 cấp ngày 05/10/2004 (bổ sung ngành nghề kinh doanh); Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 3 cấp ngày 18/01/2006 (thay đổi vốn điều lệ thành 10,025 tỷ); Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 4 cấp ngày 06/10/2006 (thay đổi vốn điều lệ thành 15,350 tỷ).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty là 15.350.000.000 đồng, tương ứng với 15.300.000 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất, kinh doanh và in các loại bao bì nhựa, bao bì giấy;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị ngành bao bì;
- Cho thuê nhà xưởng.

Trụ sở và nhà xưởng của Công ty đặt tại: Lô 89 - Đường số 6 - Khu công nghiệp Sóng Thần I - Huyện Dĩ An - Tỉnh Bình Dương.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn, bổ sung hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm dương lịch.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty sử dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn). Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá hàng xuất kho và hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia tháng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để hoàn thành và các chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định của Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	04 - 20
Máy móc, thiết bị	03 - 06
Phương tiện vận tải	03
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là chi phí để có được quyền sử dụng diện tích 4.823m² đất tại lô 89, KCN Sóng Thần I, Dĩ An, Bình Dương trong 43 năm 02 tháng kể từ ngày 09/08/2002 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 261/QSDĐ/2002 cấp ngày 06/09/2002. Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng của lô đất.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Doanh nghiệp có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền, công nợ phải thu, phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại số dư các tài khoản này được phản ánh vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá” trên Bảng cân đối kế toán. Số dư công nợ phải thu, phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào kết quả kinh doanh.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày 31/12/2011 là 20.828 VND/USD.

Đối với các khoản có gốc ngoại tệ, Công ty đồng thời theo dõi nguyên tệ trên sổ kế toán chi tiết các tài khoản và tài khoản 007 “Ngoại tệ các loại”.

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Tuy nhiên, Công ty đang được hưởng ưu đãi miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho 3 năm đầu (từ năm 2003 - 2005) và giảm 50% số thuế phải nộp cho 7 năm tiếp theo (từ năm 2006 - 2012) với mức thuế suất ưu đãi áp dụng là 15% trong thời gian miễn giảm cho hoạt động sản xuất kinh doanh chính.

Năm 2011, Công ty được hưởng ưu đãi về thuế theo quy định của Nghị quyết số 08/2011/QH13 ngày 06 tháng 8 năm 2011 của Quốc hội ban hành bổ sung một số giải pháp về thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và cá nhân, theo đó, Công ty được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp của năm 2011 do có số lao động bình quân trong năm nhỏ hơn 300 người.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	40.735.803	22.007.641
Tiền gửi ngân hàng	2.672.477.138	12.771.631
Các khoản tương đương tiền	6.200.000.000	-
Cộng	8.913.212.941	34.779.272

5. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải thu cơ quan Bảo hiểm xã hội	22.988.386	244.476
Phải thu khác	10.944.972	2.855.166
Cộng	33.933.358	3.099.642

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	7.652.338.128	8.398.778.769
Công cụ, dụng cụ	68.699.249	76.465.943
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.603.350.682	5.327.373.334
Thành phẩm	1.070.665.697	957.478.157
Cộng	11.395.053.756	14.760.096.203
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	11.395.053.756	14.760.096.203

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2011	2.873.182.720	11.881.612.411	483.460.561	18.465.455	15.256.721.147
Tăng trong năm	-	-	143.000.000	-	143.000.000
Mua trong năm	-	-	143.000.000	-	143.000.000
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2011	<u>2.873.182.720</u>	<u>11.881.612.411</u>	<u>626.460.561</u>	<u>18.465.455</u>	<u>15.399.721.147</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUYỆN KẾ					
Tại ngày 01/01/2011	1.379.577.477	11.329.901.355	483.460.561	18.465.455	13.211.404.848
Khấu hao trong năm	124.467.104	164.098.824	53.625.000	-	342.190.928
Tại ngày 31/12/2011	<u>1.504.044.581</u>	<u>11.494.000.179</u>	<u>537.085.561</u>	<u>18.465.455</u>	<u>13.553.595.776</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2011	<u>1.493.605.243</u>	<u>551.711.056</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>2.045.316.299</u>
Tại ngày 31/12/2011	<u>1.369.138.139</u>	<u>387.612.232</u>	<u>89.375.000</u>	<u>-</u>	<u>1.846.125.371</u>

31/12/2011
VND

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng
 Nguyên giá tài sản cố định dùng để đảm bảo, cầm cố thế chấp cho các khoản vay

12.259.799.068
14.513.286.026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2011	3.355.441.291	3.355.441.291
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Tại ngày 31/12/2011	3.355.441.291	3.355.441.291
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ		
Tại ngày 01/01/2011	654.246.229	654.246.229
Khấu hao trong năm	77.732.232	77.732.232
Tại ngày 31/12/2011	731.978.461	731.978.461
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2011	2.701.195.062	2.701.195.062
Tại ngày 31/12/2011	2.623.462.830	2.623.462.830

Giá trị quyền sử dụng đất được dùng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương (xem Thuyết minh số 9).

9. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	23.920.000	-
<i>Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của tiền</i>		-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	-
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại liên quan đến chênh lệch tạm thời được khấu trừ	5.980.000	-
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	5.980.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

10. VAY NGẮN HẠN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay và nợ ngắn hạn		
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khu công nghiệp Bình Dương (*)	6.589.146.080	4.127.234.375
Công ty cổ phần Bao bì PP	-	1.000.000.000
Vay cá nhân	-	300.000.000
Cộng	6.589.146.080	5.427.234.375

(*): Là số dư của các hợp đồng vay ngắn hạn của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khu Công nghiệp Bình Dương bao gồm: Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 179BA11 ngày 31/10/2011, hạn mức tín dụng là 10.000.000.000 VND và hợp đồng tín dụng hạn mức số 009AA11 ngày 31/10/2011, hạn mức tín dụng là 470.000 USD. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và giá trị quyền sử dụng đất tại lô 89, đường số 6, KCN Sóng Thần I, Dĩ An, Bình Dương. Thời hạn cho vay 06 tháng kể từ ngày rút vốn đến ngày bên vay trả xong nợ tính cho từng lần rút vốn. Lãi suất vay áp dụng theo mức lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam trong từng thời kỳ. Mục đích sử dụng tiền vay bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh bao bì nhựa các loại.

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	393.488.847	232.568.103
Thuế thu nhập cá nhân	186.667	-
Cộng	393.675.514	232.568.103

12. PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ KHÁC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	18.762.622	46.424.801
Bảo hiểm xã hội	7.484.401	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	100.000
Cộng	26.247.023	46.524.801

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2011	15.350.000.000	(1.499.786.780)	2.052.869.210	501.179.071	3.903.328.579	20.307.590.080
Tăng trong năm	-	-	152.578.579	100.000.000	5.524.237.972	5.776.816.551
Giảm trong năm	-	-	-	-	3.903.328.579	3.903.328.579
Tại ngày 31/12/2011	15.350.000.000	(1.499.786.780)	2.205.447.789	601.179.071	5.524.237.972	22.181.078.052

Theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty Cổ phần Bao bì PP Bình Dương ngày 27/4/2011, việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế của năm 2010 được thực hiện như sau:

- Quỹ dự phòng tài chính : 2,56 % lợi nhuận sau thuế, tương đương 100.000.000 đồng
- Quỹ đầu tư phát triển : 3,91 % lợi nhuận sau thuế, tương đương 152.578.579 đồng
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi : 1,02 % lợi nhuận sau thuế, tương đương 40.000.000 đồng
- Thù lao Hội đồng quản trị : 1,02 % lợi nhuận sau thuế, tương đương 40.000.000 đồng

14. CỔ TỨC

Trong năm 2011, Công ty đã chi trả cổ tức của năm 2010 cho các cổ đông theo tỷ lệ 25% vốn điều lệ, tương ứng với số tiền là 3.570.750.000 đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Bao bì PP Bình Dương ngày 27/4/2011.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

15. CỔ PHIẾU

	31/12/2011	01/01/2011
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.535.000	1.535.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.535.000</i>	<i>1.535.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	106.700	106.700
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>106.700</i>	<i>106.700</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.428.300	1.428.300
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.428.300</i>	<i>1.428.300</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: (đồng)	10.000	10.000

16. DOANH THU

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	52.200.056.727	45.480.237.273
	52.200.056.727	45.480.237.273
Các khoản giảm trừ	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng	52.200.056.727	45.480.237.273

17. GIÁ VỐN

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Giá vốn hàng bán	44.818.243.315	39.156.915.469
Cộng	44.818.243.315	39.156.915.469

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi	545.329.878	59.597.349
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	50.158.010	34.974.131
Cộng	595.487.888	94.571.480

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền vay	346.077.067	577.975.855
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	10.597.680	-
Cộng	356.674.747	577.975.855

20. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí khác	1.797.901	2.816.509
Cộng	1.797.901	2.816.509

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Tổng lợi nhuận kế toán	5.896.977.241	4.333.550.436
Các khoản điều chỉnh tăng	25.717.901	2.816.509
Chi phí không được khấu trừ	1.797.901	2.816.509
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của tiền	23.920.000	
Các khoản điều chỉnh giảm	-	238.033.670
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	238.033.670
Tổng thu nhập chịu thuế	5.922.695.142	4.098.333.275
Thu nhập chịu thuế của hoạt động được ưu đãi thuế và được miễn giảm thuế (a)	5.369.407.194	-
Thu nhập chịu thuế của hoạt động được ưu đãi thuế và không được miễn giảm thuế (b)	-	3.764.448.563
Thu nhập chịu thuế của hoạt động không được ưu đãi thuế (c) (*)	553.287.948	333.884.712
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp		
Thuế suất thuế TNDN ưu đãi	15%	15%
Thuế suất thuế TNDN phổ thông	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế TNDN của hoạt động sản xuất được ưu đãi (1)={a)+(b)}*15%*50%	402.705.540	282.333.642
Chi phí thuế TNDN của hoạt động không được ưu đãi (2)=(c)*25%	138.321.987	83.471.178
Chi phí thuế TNDN được miễn giảm theo thông tư số 154/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011 (3)={(1)+(2)}*30%	162.308.258	-
Điều chỉnh thuế TNDN của năm trước (4)	-	41.559.530
Số thuế truy thu thêm theo Quyết định số 2668/QĐ-CT ngày 25/05/2010 (5)	-	5.004.982
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (6)={(1)+(2)-(3)+(4)+(5)}	378.719.269	412.369.332

(*): Thu nhập chịu thuế không được ưu đãi thuế bao gồm thu nhập từ hoạt động bán hàng hóa, nguyên vật liệu, thu nhập từ lãi tiền gửi và chênh lệch tỷ giá đã thực hiện và chưa thực hiện của các khoản phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (1)	5.524.237.972	3.903.328.579
Lợi nhuận bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (2)=(1)	5.524.237.972	3.903.328.579
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (3)	1.428.300	1.429.238
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (4)=(2)/(3)	3.868	2.731

23. SỐ DƯ VÀ NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm 2011, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	31/12/2011	01/01/2011
Số dư cuối kỳ với bên liên quan	VND	VND
Công ty cổ phần Bao bì PP		
Phải trả người bán	3.204.218.885	3.670.405.561
Vay ngắn hạn	-	1.000.000.000
Công ty cổ phần Bao bì Hải Phòng - Nhơn Trạch		
Phải thu khách hàng	-	162.558.000
Phải trả người bán	100.964.770	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Năm 2011

VND

Các giao dịch với bên liên quan

Bán hàng

Công ty cổ phần Bao bì PP

Công ty cổ phần Bao bì Hải Phòng - Nhơn Trạch

Bán hàng trong năm	332.072.787
Thanh toán tiền hàng trong năm	162.558.000
Bù trừ với công nợ phải trả trong năm	332.072.787

Mua hàng

Công ty cổ phần Bao bì PP

Mua hàng trong năm	6.408.913.324
Thanh toán tiền hàng trong năm	3.200.000.000
Bù trừ với công nợ phải thu trong năm	3.675.100.000

Công ty cổ phần Bao bì Hải Phòng - Nhơn Trạch

Mua hàng trong năm	1.383.037.557
Thanh toán tiền hàng trong năm	950.000.000
Bù trừ với công nợ phải thu trong năm	332.072.787

Vay ngắn hạn

Công ty cổ phần Bao bì PP

Trả tiền vay trong năm	1.000.000.000
Trả lãi vay trong năm	9.777.778

24. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là Báo cáo tài chính năm 2010 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Phú và đã được phân loại lại cho phù hợp với số liệu trên báo cáo tài chính năm hiện hành.

Vũ Bình Minh
Giám đốc
Chứng chỉ KTV số Đ.0034/KTV

Nguyễn Thương
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số 0308/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN PHÚ
Hà Nội, ngày 07 tháng 02 năm 2012